TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày : 02-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA - TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Lý Văn Hùng

2/. Bà Trương Thị Kim Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Bông - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2018/TLST-HS, ngày 11 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành D, sinh năm: 1997; Nơi sinh tại Long An; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT: ấp 3, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: ấp 3, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1970 và bà Phan Thị Yến N, sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 21/12/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp 2, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2/ Bà Phan Thị Yến N, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. (có mặt)

- Người làm chứng: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Hùng P và Đặng Văn Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Long An truy tố Nguyễn Thành D về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 13 giờ, ngày 10/9/2017, Nguyễn Thành D điều khiển xe đạp đi từ nhà của mình tại ấp 3, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An đến nhà ông Nguyễn Văn N tại ấp 2, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày. Ông Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 52N5-9652 đi về nhà và để xe trước của nhà của ông N rồi đi vào nhà. Lúc này, D đang nằm trêm võng trước hành lang nhà của ông Nguyên, nhìn thấy ông N để xe mô tô, trên xe có gắn chìa khóa trên ổ khóa công tắc xe nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông Nguyễn Văn N đem bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng lúc ông N đi ra phía sau nhà, D lén lút chiếm đoạt xe mô tô của ông N và nổ máy chạy đi. Ông N liền phát hiện và truy hô cùng với ông Nguyễn Văn Đ, ông Đặng Văn Đ và ông Nguyễn Hùng P dùng xe mô tô đuổi theo D, trên đường đi gặp tổ công tác của Công an xã Đ, nên báo lực lượng công an truy đuổi D đến khu vực 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Long An thì bắt giữ được D. Tang vật thu giữ gồm một xe mô tô biển số 52N5-9652 và một xe đạp màu trắng. Công an xã Đ đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thành D, sau đó bàn giao hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan điều tra Công an huyện N để điều tra làm rõ.

Qua điều tra xác định xe đạp màu trắng nêu trên là của bà Phan Thị Yến N (mẹ ruột của D) cho D mượn sử dụng đi lại. Xe mô tô biển số 52N5-9652 là tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn Nguyên do bà Nguyễn Thị P (vợ ông N) đứng tên giấy chứng nhận đăng ký.

Tại kết luận định giá tài sản số 52/KL.ĐGTS ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện N, tỉnh Long An đã kết luận: Xe mô tô biển số 52N5-9652 trị giá là 3.000.000 đồng.

Bị hại là ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông đã nhận lại xe đã mất trộm, nên ông không yêu cầu D bồi thường gì về phần trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Yến N trình bày: bà cũng đã nhận lại xe đạp màu trắng mà D lấy đi, bà không yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Long An truy tố Nguyễn Thành D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố trong phần luận tội đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Nguyễn Thành D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: bị cáo Nguyễn Thành D từ 12 đến 15 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện N đã tiến hành trao trả lại xong cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị P một xe mô tô biển số 52N5-9652 theo biên bản về việc trả tài sản ngày 20 tháng 9 năm 2017 và trả cho bà Phan Thị Yến N một xe đạp màu trắng nhãn hiệu @ Triết Tâm trên sườn xe là tài sản hợp pháp của bà N theo biên bản về việc trả tài sản ngày 20 tháng 12 năm 2017, nên không đề cập đến.

Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P sau khi nhận lại xe mô tô biển số 52N5-9652 bị mất trộm, không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Bị cáo không tranh luận, không nói lời nói sau cùng.

Bị hại không tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai của những người làm chứng; đồng thời còn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản xác định vật chứng mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa đã đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Thành D là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, bị cáo đã nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu nên vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 9 năm 2017, tại nhà của ông Nguyễn Văn N thuộc ấp 2, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An, Nguyễn Thành D đã thực hiện hành vi lén lút nhìn thấy ông N vào nhà và để xe mô tô biển số 52N5-9652 ở ngoài sân nhà của ông N, trên xe có gắn chìa khóa trên ổ khóa công tắc xe và đã thực hiện hành vi trộm cắp của ông N một xe mô tô biển

số 52N5-9652 có giá trị thành tiền là 3.000.000 đồng đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" và bị cáo chiếm đoạt xe mô tô biển số 52N5-9652 có giá trị là 3.000.000 đồng thuộc thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, căn cứ vào quy định tại điểm b (thuộc trường hợp quy định hình phạt nhẹ hơn) khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi của Nguyễn Thành D đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình như cáo trạng đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, bị cáo không tranh luận và không nói lời sau cùng, Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[2.1] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[2.2] Hành vi của bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của ông Nguyễn Văn N là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam nên bị cáo bất chấp chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Do đó cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.3] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, điểm s Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo chỉ mang tính nhất thời, tài sản bị lấy trộm không có giá trị lớn, bị hại cũng đã nhận lại tài sản bị mất trộm và bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Do đó, Hội đồng xét thấy xử thấp hơn khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ để răn đe và giáo dụng bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, nhưng cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị P (vợ ông N) đã nhận lại tài sản

bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện N đã tiến hành trao trả lại xong cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị P một xe mô tô biển số 52N5-9652 theo biên bản về việc trả tài sản ngày 20 tháng 9 năm 2017 và trả cho bà Phan Thị Yến N một xe đạp màu trắng nhãn hiệu @ Triết Tâm trên sườn xe là tài sản hợp pháp của bà N theo biên bản về việc trả tài sản ngày 20 tháng 12 năm 2017 là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thành D** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: bị cáo Nguyễn Thành D 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù được tính từ bị bắt tạm giam ngày 21/12/2017.

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 02/02/2018) để bảo đảm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thành D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, bị hại và Phan Thị Yến N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hòa;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương